

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng  
thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của UBND huyện Triệu Sơn tại Tờ trình số 3109/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2019; của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 6496/SXD-QH ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, với nội dung chính sau:

**1. Phạm vi lập quy hoạch**

a) Phạm vi nghiên cứu quy hoạch bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của 4 đơn vị hành chính: Thị trấn Triệu Sơn, xã Minh Dân, xã Minh Sơn, xã Minh Châu và một phần các xã Dân Lực, Dân Quyền (phần diện tích thuộc ranh giới quy hoạch điều chỉnh mở rộng thị trấn Triệu Sơn đã được phê duyệt tại Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa), ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp Quốc lộ 47, xã Dân Lực và xã Dân Quyền;
- Phía Đông giáp xã Dân Lý;
- Phía Tây giáp xã Thọ Tân và xã Hợp Thắng;
- Phía Nam giáp xã Hợp Thắng, xã An Nông.

b) Quy mô diện tích nghiên cứu lập quy hoạch:

Tổng diện tích nghiên cứu lập điều chỉnh, mở rộng quy hoạch thị trấn Triệu Sơn khoảng: 1.716,4 ha; trong đó:

- Diện tích quy hoạch thị trấn Triệu Sơn mở rộng (trong phạm vi nghiên cứu): 1.515,78 ha, gồm:

- + Diện tích thị trấn Triệu Sơn: 179,97 ha;
- + Diện tích xã Minh Dân: 20,55 ha;
- + Diện tích xã Minh Sơn: 666,40 ha;
- + Diện tích xã Minh Châu: 348,86 ha.

- Phần diện tích quy hoạch ngoài thị trấn: 200,62 ha (thuộc ranh giới QHC thị trấn được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1104/QĐ-UBND ngày 30/3/2018).

- + Phần diện tích xã Dân Lực khoảng: 182,61 ha;
- + Phần diện tích xã Dân Quyền khoảng: 18,01 ha.

## **2. Tính chất, chức năng đô thị**

Là đô thị huyện lỵ loại V; trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại, đầu mối giao thông quan trọng của huyện Triệu Sơn.

## **3. Quy mô dân số**

- Dân số hiện trạng khu vực nghiên cứu lập quy hoạch khoảng: 23.894 người, trong đó: Dân số hiện trạng khu vực dự kiến thị trấn Triệu Sơn mở rộng hoạch khoảng: 20.544 người (thị trấn Triệu Sơn và 3 xã: Minh Sơn, Minh Dân, Minh Châu).

- Dân số dự báo phát triển trong thị trấn Triệu Sơn mở rộng:
- + Đến năm 2025 dân số khoảng: 24.000 người;
- + Đến năm 2030 dân số khoảng: 27.000 người.

#### 4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

##### 4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

\* Diện tích dự báo không gian phát triển đô thị: 1.515,78 ha.

\* Quy mô đất đai dự kiến:

a) Đất xây dựng đô thị: 383,0 ha, trong đó:

- Đất dân dụng: 243,0 ha:

*Bảng dự báo quy mô đất dân dụng đến năm 2025 và năm 2030.*

STT	Loại đất	Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2030	
		(m <sup>2</sup> /người)	Dự báo quy mô dân số	Dự báo Quy mô đất đai	Dự báo quy mô dân số	Dự báo Quy mô đất đai
			(người)	(ha)	(người)	(ha)
1	Đất ở mới	50	24.000	120	27.000	135
2	Giao thông đô thị	20		48		54
3	Đất công cộng dịch vụ (dịch vụ, trường học,...)	10		24		27
4	Đất cây xanh đô thị	10		24		27
Tổng đất dân dụng		90		216		243

Lựa chọn chỉ tiêu sử dụng đất ở mới: 50m<sup>2</sup>/người, tính toán dân cư mới: 10.000 người, gồm:

+ Đất dân cư phát triển mới khoảng 6.500 người;

+ Dân cư dịch chuyển trong làng xóm (xã Minh Sơn, Minh Châu, Minh Dân) ra các khu trung tâm đô thị mới khoảng: 30% dân số hiện trạng (~4.500 người).

- Đất ngoài dân dụng (đất công nghiệp, kho tàng, trung tâm nghiên cứu, đào tạo,...): 140,0 ha.

b) Đất khác (dự trữ phát triển, nông lâm nghiệp, mặt nước,...): 1.234,66 ha.

##### 4.2. Chỉ tiêu cơ bản về hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông:

+ Tính đến đường liên khu vực: 6-8%;

+ Tính đến đường khu vực: 13-15%

+ Tính đến đường phân khu vực: 18-22%.

- Chỉ tiêu điện năng: 1.000 KWh/người/năm; phụ tải 330W/người.

- Cấp nước sinh hoạt: 120 lít/người/ngày đêm; Cấp nước công nghiệp 22-45m<sup>3</sup>/ha/ng.đ; tỷ lệ cấp nước sạch tối thiểu 95%.

- Thoát nước bản tối thiểu: 90% nước cấp.

- Chất thải rắn tối thiểu: 0,9kg/ng/ng.đ.

- Tỷ lệ thu gom xử lý tối thiểu: 90% chất thải rắn.

## **5. Hướng phát triển và cải tạo đô thị**

### **5.1. Định hướng phát triển không gian**

Khung không gian chủ yếu gồm: Không gian trung tâm đường tỉnh (ĐT) 514 và quốc lộ (QL) 47C, Các trục kết nối không gian: Phía Bắc là QL 47, phía Nam là ĐT 514, trục Trung tâm là QL 47C và trục động lực quy hoạch mới kết nối Bắc - Nam phía Đông (QL 47C - QL47- ĐT 514 - QL 47C). Từ đó cơ cấu phát triển không gian đô thị được xác định thành 3 khu vực chính:

a) Khu đô thị hiện hữu: Trục phát triển QL 47C và ĐT 514 bao gồm:

- Khu trung tâm hành chính – chính trị của huyện.

- Khu ở hiện hữu, thị trấn, xã Minh Dân, Minh Châu hiện nay với các cơ sở hệ thống xã hội, kỹ thuật kèm theo.

- Dự kiến phát triển đô thị theo hướng Bắc – Nam 2 dự án dân cư mới: Bắc Đồng Năn (dự án Sao Mai) và Nam Đồng Năn (khu dân mới đã được lập quy hoạch chi tiết).

b) Khu đô thị mới phía Đông (đã được xác định trong quy hoạch thị trấn mở rộng):

Với trục phát triển ĐT514 và trục đường quy hoạch nối QL47 và ĐT514, khu vực sẽ đảm nhận chức năng thúc đẩy kinh tế - xã hội đột phá:

- Trung tâm mới của đô thị: Trung tâm văn hóa – TDTT; Trung tâm Dịch vụ thương mại của vùng. Một số chức năng công cộng của đô thị là yếu tố tạo thị.

- Phát triển dân cư đô thị mới với hệ thống hạ tầng, hệ thống xã hội đồng bộ.

- Phát triển công nghiệp với việc đầu tư mở rộng cụm công nghiệp liên xã Dân Lý – Dân Lực – Dân Quyền theo quy hoạch phát triển cụm công nghiệp toàn tỉnh định hướng.

c) Khu sinh thái phía Tây: Với trung tâm là cảnh quan xung quanh hồ sinh thái Chợ Mốc và hồ Than Bùn

- Khai thác yếu tố tự nhiên, địa hình hiện có và hồ nhân tạo (sau khi cải tạo cảnh quan, vệ sinh môi trường sau khai thác khoáng sản) định hướng thành khu ở, kết hợp dịch vụ, hỗn hợp phục vụ cho đô thị.

- Các khu dân cư hiện hữu, được cải tạo hệ thống kỹ thuật (giao thông, điện nước,...) hệ thống xã hội (trung tâm nhóm ở, sinh hoạt cộng đồng,...) xác định loại hình ở dạng mật độ thưa, nhà vườn.

## **5.2. Phân khu chức năng, chỉ tiêu xây dựng đô thị**

5.2.1. Đất quy hoạch thị trấn Triệu Sơn mở rộng: Diện tích 1.515,78ha.

a) Đất xây dựng đô thị: 891,98 ha (gồm đất dân dụng và ngoài dân dụng), cụ thể:

\* Đất dân dụng: 661,15 ha, chiếm 74,1% đất xây dựng đô thị.

- Đất ở: 398,26 ha; chiếm 44,6% đất xây dựng đô thị, trong đó:

+ Diện tích đất dân cư hiện trạng cải tạo: 333,74 ha. chiếm 37,4% đất xây dựng đô thị; Là các khu vực dân cư hiện hữu cải tạo, chỉnh trang hạ tầng đáp ứng tiêu chí đô thị loại V. Mật độ xây dựng gộp tối đa 60%, tầng cao từ 2-4 tầng; hệ số sử dụng đất 2,4 lần.

+ Dân cư phát triển mới: Phát triển chủ yếu về phía Đông, trên trục ĐT.514 và các trục chính đô thị Bắc – Nam mới, và các khu đô thị mới phía Bắc và phía Nam trung tâm thị trấn hiện nay (khu đô thị Sao Mai, khu dân cư mới Nam Đồng Năn,..). Diện tích đất khu vực phát triển dân cư mới: 53,06 ha, được tính toán cho khoảng 10.000 người, bao gồm: dân số dự kiến phát triển mới khoảng 6.500 người & dân cư từ làng xóm cũ (xã Minh Dân, Minh Châu, Minh Sơn hiện nay) dịch chuyển về khu trung tâm đô thị mới, khoảng 30% dân cư cũ (~4.500 người).

Mật độ xây dựng tối đa 80%, tầng cao từ 2-5 tầng; hệ số sử dụng đất 4.0 lần.

+ Đất tái định cư: Sẽ được dành quỹ đất khi thực hiện đầu tư xây dựng các tuyến đường mới, và mở rộng các tuyến đường hiện có,... diện tích: 11,46 ha; mật độ xây dựng tối đa 80%, tầng cao từ 2-5 tầng; hệ số sử dụng đất 4.0 lần.

Trong mỗi tiểu khu, khu phố, các nhóm ở bao gồm diện tích không gian sinh hoạt cộng đồng, nhà văn hóa, sân thể thao: Cầu lông, bóng bàn,... đáp ứng theo quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành.

\* Đất công cộng: 66,75 ha, chiếm 7,5% đất xây dựng đô thị, bao gồm:

- Đất công trình công cộng đô thị: 10,42 ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao từ 2-5 tầng, hệ số sử dụng đất: 2,0 lần.

- Đất dịch vụ thương mại, chợ: 37,88 ha, trong đó:

+ Đất chợ: 1,06 ha; gồm 2 chợ: Chợ Mốc (chợ hạng III) đã có phía Tây Bắc, phục vụ cho khu vực dân cư phía Tây QL47C, quy mô diện tích khoảng: 0,45 ha & chợ Giắt (chợ hạng I) quy mô diện tích khoảng: 0,9 ha; Mật độ xây dựng tối đa 50%, tầng cao từ 1-5 tầng; hệ số sử dụng đất 2.5 lần.

+ Đất thương mại dịch vụ đô thị: 6,78 ha; gồm các trung tâm dịch vụ thương mại hiện có trên trục đường QL.47C và ĐT.514 và các khu dịch vụ hỗn hợp quy hoạch mới trong trung tâm các nhóm ở. Mật độ xây dựng tối đa 50%, tầng cao từ 2-5 tầng; hệ số sử dụng đất 2.5 lần.

- Đất thương mại – dịch vụ, hỗn hợp cấp vùng (trung tâm thương mại, siêu thị,...), bố trí nút giao trục ĐT.514, QL.47 với trục mới Bắc – Nam, là khu vực có vị trí kết nối với giao thông quan trọng và là động lực thúc đẩy phát triển chung cho toàn đô thị. Tổng diện tích: 30,4 ha, mật độ xây dựng 40%, tầng cao trung bình 3-7 tầng; hệ số sử dụng đất 2.8 lần.

- Đất trường học: Bao gồm trường học mầm non, tiểu học, THCS, THPT. Cơ bản ổn định vị trí các trường học cấp đô thị hiện có. Di chuyển trường Trung học cơ sở thị trấn về phía Nam Đồng Năn (quy mô: 1,9 ha) giáp Trường tiểu học thị trấn đã quy hoạch kỳ trước, tạo thành cụm liên trường cấp 1, cấp 2. Trong giai đoạn tới tiếp tục nâng cấp theo các yêu cầu phát triển và theo các tiêu chuẩn của ngành giáo dục. Quy mô: 18,45 ha, chiếm 1,22 % đất thị trấn mở rộng, cụ thể:

+ Đất trường THPT gồm: trường THPT Triệu Sơn 1, mở rộng phạm vi quy mô diện tích của trường PTTH về phía Đông (diện tích khoảng: 2,4 ha), đảm bảo tiêu chí ngành. Và trường THPT dân lập Triệu Sơn hiện có (0,96 ha);

+ Đất trường THCS & Tiểu học của thị trấn và các xã hiện có, tổng diện tích: 12,85 ha, được phân bổ đồng đều đảm bảo về bán kính phục vụ, đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn pháp luật hiện hành.

+ Đất trường mầm non: 2,22 ha.

Mật độ xây dựng: 40%, tầng cao trung bình 3-5 tầng, hệ số sử dụng đất: 2,0 lần.

- Đất cây xanh: Bao gồm đất cây xanh đô thị và đất công viên, cây xanh trong các nhóm ở. Diện tích: 33,94 ha, đạt chỉ tiêu 12,6m<sup>2</sup>/người.

- Đất giao thông đô thị: tính đến đường phân khu vực: 162,2 ha, chiếm: đạt chỉ tiêu: 18,2% đất xây dựng đô thị.

\* Đất ngoài dân dụng: 230,83 ha, chiếm 25,9% đất xây dựng đô thị; trong đó.

- Đất công nghiệp: 34,93 ha, gồm:

+ Các nhà máy đã có trong thị trấn: 5,49 ha.

+ Diện tích quy hoạch đất công nghiệp trong Cụm công nghiệp– TTCN liên xã: 29,44 ha.. (tổng diện tích cụm công nghiệp khoảng: 67,97 ha, phần còn lại nằm ngoài ranh giới quy hoạch thị trấn Triệu Sơn mở rộng).

- Đất đào tạo ngoài đô thị: Trường trung cấp bồi dưỡng Chính trị huyện: 0,28 ha. Trường trung tâm giáo dục thường xuyên (trên QL47C), sẽ sáp nhập với trường dạy nghề (trên ĐT514) đồng thời di chuyển ra ngoài thị trấn theo quy hoạch.

- Đất cơ quan hành chính: gồm công trình cấp huyện (Huyện ủy, UBND huyện, HĐND huyện, MTTQ,.....) và công sở thị trấn, cơ bản giữ nguyên vị trí hiện nay. Tổng diện tích: 9,25 ha, mật độ xây dựng 45%, tầng cao từ 3-5 tầng; hệ số sử dụng đất 2.0 lần.

- Đất Y Tế (trung tâm y tế, trạm y tế, Bệnh viện đa khoa): 3,16 ha, gồm:

+ Bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn mở rộng tại vị trí cũ: 2,47 ha; mật độ xây dựng: 40%; tầng cao trung bình 3-5 tầng; hệ số sử dụng đất: 2,0 lần.

+ Trung tâm y tế dự phòng, (hiện hữu trên trục ĐT514): 0,36 ha; mật độ xây dựng: 40%, tầng cao trung bình 1-3 tầng, hệ số sử dụng đất: 1,2 lần.

+ Trạm y tế trong đơn vị ở: 0,33 ha; mật độ xây dựng: 45%; tầng cao trung bình 3-5 tầng; hệ số sử dụng đất: 2,0 lần.

- Đất tôn giáo, di tích: 1,35 ha, gồm: Giáo xứ Hà Nhuận (0,76 ha), đất chùa (trong xã Minh Dân hiện nay: 0,23 ha), di tích văn hóa lịch sử cấp tỉnh (Nhà thờ họ Trịnh Hữu: 0,36 ha).

- Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật đầu mối: 42,97 ha. Gồm:
    - + Đất HTKT đầu mối: trạm xử lý nước thải, nhà máy nước Triệu Sơn,...: Diện tích: 3,89 ha.
    - + Đất bến xe: 2,28 ha, gồm 2 bến xe: bến xe thị trấn và bến xe Huyền Hồng.
    - + Đất giao thông đối ngoại (QL.47C, ĐT514 & trục kết nối phía Đông): 36,8 ha.
  - \* Đất cây xanh, trung tâm TĐTT: 35,64 ha, gồm:
    - + Đất cây xanh cảnh quan (khu vực ven sông, ven hồ,...): 20,12 ha.
    - + Đất trung tâm văn hóa TĐTT, Quảng trường (11,26 ha) gồm: khu trung tâm TĐTT hiện có phía Bắc Đồng Năn (2,8 ha), và đất TĐTT - quảng trường quy hoạch mới trên trục động lực phía Đông (8,46 ha)
    - + Đất cây xanh cách ly (trong Cụm công nghiệp, các khu nghĩa địa trong khu dân cư,...): 4,26 ha.
  - \* Đất an ninh, quốc phòng: gồm trụ sở Công an huyện, Ban chỉ huy quân sự huyện, doanh trại quân đội,... tổng diện tích: 23,15 ha.
  - \* Nghĩa trang, nghĩa địa: 80,10 ha.
- Từng bước đóng cửa, khoanh vùng, đảm bảo cây xanh cách ly với khu dân cư theo quy chuẩn, và khu nghĩa địa thị trấn sẽ được chôn cất tại vị trí phía Nam (hiện nay thuộc xã Minh Châu), với quy mô khoảng 3,0 ha giai đoạn từ nay đến năm 2025.
- Định hướng lâu dài, khu nghĩa địa tập trung của thị trấn về phía Tây, nghĩa địa Cồn Lau (sát với quy hoạch nghĩa trang núi Rùa), diện tích khoảng: 5,6 ha.
- Tổng diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa thị trấn là: 20,55 ha.
  - Nghĩa trang núi Rùa (cập nhật theo quy hoạch nghĩa trang toàn tỉnh) trong phạm vi lập quy hoạch có diện tích: 59,55 ha.
- b) Đất khác: 638,6 ha, chiếm: 42,1% đất quy hoạch thị trấn mở rộng, trong đó:
- Đất dự trữ phát triển đô thị: 171,98 ha.
  - Đất nông nghiệp: 387,95 ha; khu vực chủ yếu là trồng lúa phía Nam và phía Tây thị trấn.



- Đất lâm nghiệp: 41,17 ha; là khu vực trồng rừng sản xuất phía Tây Bắc.

- Đất mặt nước: 37,5 ha, gồm hệ thống ao, hồ điều hòa cho đô thị.

5.2.2. Đất ngoài thị trấn Triệu Sơn (trong phạm vi nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn): 200,62 ha. Khu vực này được quản lý quy hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng theo tiêu chí đô thị loại V, cụ thể:

\* Đất ở: 53,61 ha, chiếm 26,7%.

+ Đất ở hiện trạng: Là dân cư hiện trạng xã Dân Lực trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch, diện tích: 50,21 ha. Cải tạo, chỉnh trang kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng với thị trấn Triệu Sơn, mật độ xây dựng: 60%, tầng cao 2-5 tầng; hệ số sử dụng đất: 1,8 lần.

+ Đất ở mới: dạng xen cư khu vực giáp QL.47, diện tích khoảng: 3,4 ha; mật độ xây dựng: 80%, tầng cao 3-5 tầng, hệ số sử dụng đất tối đa: 4,0 lần.

\* Đất công cộng: 9,88 ha, chiếm: 4,9%.

- Đất cơ quan hành chính (công sở xã Dân Lực): 0,6 ha, mật độ xây dựng: 40%, tầng cao: 3-5 tầng, hệ số sử dụng đất tối đa: 2,0 lần.

- Đất công cộng (nhà văn hóa, trung tâm nhóm ở...): 1,54 ha, mật độ xây dựng: 40%, tầng cao 3-5 tầng, hệ số sử dụng đất: 1,2-2,8 lần.

- Đất thương mại – dịch vụ, hỗn hợp quy hoạch trên QL47 và cửa ngõ phía Bắc thị trấn (trục động lực phía Đông), diện tích: 7,74 ha, mật độ xây dựng: 40%, tầng cao 3-7 tầng, hệ số sử dụng đất: 1,2-2,8 lần.

\* Đất trường học (trường mầm non xã Dân Lực hiện có) 0,5 ha.

\* Đất dự trữ phát triển: 24,04 ha; (trên trục động lực phía đông, nối QL47 và ĐT 514);

\* Đất cây xanh: 8,23 ha, chiếm 4,1%.

\* Đất giao thông: 41,3 ha, chiếm 20,6%.

\* Đất Công nghiệp- TTCN : Phần đất nằm trong Cụm công nghiệp –TTCN liên xã: 38,53 ha (tổng diện tích đất công nghiệp trong CNN là: 67,97 ha).

\* Đất nông nghiệp: 18,8 ha, chiếm 9,37%.

\* Đất nghĩa địa hiện có: 0,61 ha.

\* Đất mặt nước: Khu vực ao hồ, kênh Nam: 10,07 ha.

## 6. Cơ cấu, phân kỳ quy hoạch sử dụng đất

STT	LOẠI ĐẤT	NĂM 2025 (24.000 người)		NĂM 2030 (27.000 người)	
		DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)
<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT LẬP QUY HOẠCH</b>		<b>1.716,40</b>		<b>1.716,40</b>	
<b>A</b>	<b>* ĐẤT QH THỊ TRẤN TRIỆU SƠN</b>	<b>1.515,78</b>	<b>100</b>	<b>1.515,78</b>	<b>100</b>
*	<b>ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ (I + II)</b>	<b>852,96</b>	<b>56,27</b>	<b>891,98</b>	<b>58,85</b>
<b>I</b>	<b>ĐẤT DÂN DỤNG</b>	<b>626,45</b>	<b>41,33</b>	<b>661,15</b>	<b>43,62</b>
1	Đất ở	383,21	25,28	398,26	26,27
1,1	Đất ở hiện trạng	333,74	22,02	333,74	22,02
1,2	Đất ở mới	41,04	2,71	53,06	3,50
1,3	Đất tái định cư	8,43	0,56	11,46	0,76
2	Đất công cộng	63,50	4,19	66,75	4,40
2.1	Đất công trình công cộng đô thị	10,42	0,69	10,42	0,69
2.2	Đất TM - DV, chợ	34,63	2,28	37,88	2,50
-	Đất chợ	1,06	0,07	1,06	0,12
-	Đất TM-DV hỗn hợp	5,26	0,35	6,78	0,76
-	Đất DV-TM, hỗn hợp cấp vùng	28,31	1,87	30,04	3,37
2.3	Đất trường học	18,45	1,22	18,45	1,22
3	Đất cây xanh công viên	33,94	2,24	33,94	2,24
4	Đất giao thông đô thị	145,80	9,62	162,20	10,70
<b>II</b>	<b>ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG</b>	<b>226,51</b>	<b>14,94</b>	<b>230,83</b>	<b>15,23</b>
1	Đất công nghiệp	34,93	2,30	34,93	2,30
2	Đất Trường trung cấp chính trị	0,28	0,02	0,28	0,02
3	Đất cơ quan hành chính	4,93	0,33	9,25	0,61
4	Đất y tế, bệnh viện đa khoa	3,16	0,21	3,16	0,21
5	Đất tôn giáo, di tích lịch sử	1,35	0,09	1,35	0,09
6	Đất giao thông, HTKT đầu mối	42,97	2,83	42,97	2,83
-	Đất HTKT đầu mối	3,89	0,26	3,89	0,26
-	Đất bến xe	2,28	0,15	2,28	0,15
-	Đất giao thông đối ngoại	36,80	2,43	36,80	2,43
7	Đất cây xanh, TDTT	35,64	2,35	35,64	2,35
-	Đất cây xanh cảnh quan	20,12	1,33	20,12	1,33
-	Đất trung tâm TDTT	11,26	0,74	11,26	0,74
-	Đất cây xanh cách ly	4,26	0,28	4,26	0,28
8	Đất an ninh quốc phòng	23,15	1,53	23,15	1,53
9	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	80,10	5,28	80,10	5,28
<b>III</b>	<b>ĐẤT KHÁC</b>	<b>662,82</b>	<b>43,73</b>	<b>638,60</b>	<b>42,13</b>

STT	LOẠI ĐẤT	NĂM 2025 (24.000 người)		NĂM 2030 (27.000 người)	
		DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)
1	Đất dự trữ phát triển	196,20	12,94	171,98	11,35
2	Đất nông nghiệp	387,95	25,59	387,95	25,59
3	Đất lâm nghiệp	41,17	2,72	41,17	2,72
4	Mặt nước	37,50	2,47	37,50	2,47
<b>B</b>	<b>* ĐẤT NGOÀI TT TRIỆU SƠN (TRONG RANH GIỚI QH)</b>	<b>200,62</b>	<b>100</b>	<b>200,62</b>	<b>100</b>
1	Đất ở	53,61	26,72	53,61	26,72
1,1	Đất ở hiện trạng	50,21	25,03	50,21	25,03
1,2	Đất ở mới	3,40	1,69	3,40	1,69
2	Đất công cộng	9,88	4,92	9,88	4,92
2.1	Đất Công sở xã Dân Lực	0,60	0,30	0,60	0,30
2.2	Đất công cộng	1,54	0,77	1,54	0,77
2.3	Đất thương mại dịch vụ hỗn hợp	7,74	3,86	7,74	3,86
3	Đất trường học	0,50	0,25	0,50	0,25
4	Đất dự trữ phát triển	19,09	9,52	19,09	9,52
5	Đất cây xanh	8,23	4,10	8,23	4,10
6	Đất giao thông	41,30	20,59	41,30	20,59
7	Đất công nghiệp (Cụm CN liên xã)	38,53	19,21	38,53	19,21
8	Đất nông nghiệp	18,80	9,37	18,80	9,37
9	Đất nghĩa địa	0,61	0,30	0,61	0,30
10	Mặt nước	10,07	5,02	10,07	5,02

\* Các chỉ tiêu chính đạt được của đồ án:

- + Đất ở phát triển mới: 53,06 ha, đạt chỉ tiêu 48,2m<sup>2</sup>/người.
- + Đất công cộng: 66,75 ha, đạt chỉ tiêu 24,7 m<sup>2</sup>/người.
- + Đất cây xanh đô thị: 33,16 ha, đạt chỉ tiêu 12,6 m<sup>2</sup>/người.
- + Đất giao thông (tính đến đường phân khu vực) 162,2 ha, đạt tỷ lệ 18,2% đất xây dựng đô thị.

## 7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

### 7.1. Quy hoạch giao thông

a) Đường giao thông đối ngoại:

- Đường QL 47 được quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp III, quy mô 04 làn xe, đi qua khu vực chiều dài khoảng 3,2km, mặt cắt ngang tuyến này điều chỉnh từ lộ giới 84,0m xuống 77,0m; cụ thể:

Mặt cắt A-A: Mặt cắt ngang đường  $B = 77,0\text{m}$ ; Mặt đường chính:  $11,0\text{m} \times 2 = 22,0\text{m}$ ; Hành lang an toàn đường bộ:  $13,0\text{m} \times 2 = 26,0\text{m}$ ; Phần đất bảo vệ, bảo trì đường bộ có bề rộng:  $2,0\text{m} \times 2 = 4,0\text{m}$ ; Mặt đường gom:  $7,5\text{m} \times 2 = 15,0\text{m}$ ; Hệ đường gom:  $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$ ; Khoảng lùi xây dựng tối thiểu mỗi bên: 3,0m (đối với khu dân cư); 6,0m (đối với công trình công cộng, DV-TM, công nghiệp).

- Tuyến đường QL 47C và đường ĐT 514: Được giữ nguyên lộ giới, tim tuyến và hướng tuyến theo quy hoạch đã được duyệt, cụ thể:

Mặt cắt 1-1: Lộ giới: 26,0m; Lòng đường:  $8,25\text{m} \times 2 = 16,5\text{m}$  (bao gồm phân cách giữa: 0,5m); Hệ đường:  $4,75\text{m} \times 2 = 9,5\text{m}$ ; Khoảng lùi xây dựng tối thiểu mỗi bên, đối với khu vực chưa xây dựng công trình hai bên là: 3,0m. Đối với khu vực đã ổn định, xây dựng công trình kiên cố: chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ.

- Tuyến đường động lực Bắc – Nam, phía Đông thị trấn (có điểm đầu phía Bắc giao cắt QL.47C tại thôn Phúc Hải xã Dân Lực giao cắt QL.47 tại khu vực cầu Dân Lực, giao cắt ĐT 514 tại công chèo, điểm phía Nam giao cắt QL.47C tại đầu ranh giới xã Vân Sơn):

+ Đoạn đi qua đô thị: Từ nút giao với đường QL47(cầu Dân Lực) đến đường quy hoạch phía Nam (song song với ĐT514) là tuyến đường đường trục chính đô thị: được điều chỉnh từ 47,0m thành 35,0m; lộ giới: 35,0m, cụ thể: Mặt cắt B-B: Mặt cắt ngang đường  $B = 35,0\text{m}$ ; Mặt đường chính:  $11,0 \times 2 = 22,0\text{m}$ ; Phân cách giữa: 3,0m; Hệ đường:  $5,0 \times 2 = 10,0\text{m}$ ; Khoảng lùi xây dựng tối thiểu mỗi bên: 3,0m.

+ Đoạn ngoài đô thị phía Bắc (từ QL47C đến QL47) & phía Nam (từ đường quy hoạch phía Nam ĐT514 đến QL47C tại xã Vân Sơn): Mặt cắt B'-B': Mặt cắt ngang đường  $B = 31,50\text{m}$ ; Mặt đường chính:  $10,5 \times 2 = 21,0\text{m}$ ; Phân cách: 0,5m; Lề đường;  $2,0 \times 2 = 4,0\text{m}$ ; Mương thoát nước và phần đất dự trữ:  $2,0 \times 2 = 6,0\text{m}$ .

b) Đường cấp đô thị:

\* Đường liên khu vực:

Tuyến đường kết nối từ đường QL47 vào Cụm công nghiệp Dân Lực – Dân Lý - Dân Quyền theo quy hoạch chung đã phê duyệt, tuyến đường có lộ giới: 20,5m được giữ nguyên, cụ thể:

+ Mặt cắt 5-5: Mặt cắt ngang đường  $B= 20,50\text{m}$ ; Mặt đường:  $5,25\text{m} \times 2=10,50\text{m}$ ; Hè đường:  $5,0\text{m} \times 2=10,0\text{m}$ ; Khoảng lùi XD tối thiểu mỗi bên: 3,0m.

Tuyến đường quy hoạch phía Nam cụm công nghiệp, kết nối điểm đầu từ trường THCS xã Minh Dân đi đô thị Thiệu được điều chỉnh từ 28,0m thành 20,50m, cụ thể như sau:

+ Mặt cắt 5-5: Mặt cắt ngang đường  $B= 20,50\text{m}$ ; Mặt đường:  $5,25\text{m} \times 2= 10,50\text{m}$ ; Hè đường:  $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$ ; Khoảng lùi xây dựng tối thiểu mỗi bên: 3,0m.

- Tuyến đường kết nối từ QL47 vào công viên nghĩa trang vĩnh hằng được thiết kế mặt cắt: Mặt cắt 8-8: Mặt cắt ngang đường  $B= 17,50\text{m}$ ; Mặt đường:  $5,50\text{m} \times 2= 11,00\text{m}$ ; Lề đường:  $0,5\text{m} \times 2 = 1,0\text{m}$ ; Mương thoát nước và phần đất dự trữ:  $2,75 \times 2 = 5,5\text{m}$ .

\* Đường chính khu vực: Các tuyến này được thiết kế mới hoặc tận dụng các tuyến đường dân sinh hiện hữu nâng cấp thành đường chính khu vực;

Các tuyến đường chính khu vực được thiết kế cụ thể: Mặt cắt 5-5 & Mặt cắt 5'-5' như sau: Lộ giới: 20,5m; Mặt đường:  $5,25\text{m} \times 2 = 10,50\text{m}$ ; Hè đường:  $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$ ; Khoảng lùi xây dựng tối thiểu: 3,0m (đối với đoạn đường mới, không đi qua khu vực đã xây dựng), và 0,0m đối với đoạn đi qua khu vực đã xây dựng.

\* Đường khu vực: kết nối các đường phố chính, phân chia khung đô thị ra từng lô phát triển với nhau. Các tuyến đường khu vực được thiết kế như sau:

- Mặt cắt 6 – 6: Lộ giới: 17,5m; Mặt đường:  $3,75 \times 2 = 7,5\text{m}$ ; Hè đường:  $5,0\text{m} \times 2 = 10,0\text{m}$ ; Đối với những đoạn đường mới, không qua khu vực đã xây dựng. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu là: 3,0m; Đối với những đoạn đường đi qua khu vực đã xây dựng, công trình kiến trúc ổn định. Khoảng lùi xây dựng là: 0,0m.

- Mặt cắt 7-7: Lộ giới: 15,5m; Mặt đường:  $3,75 \times 2 = 7,5\text{m}$ ; Hè đường:  $4,0\text{m} \times 2 = 8,0\text{m}$ . Đối với những đoạn đường mới, không qua khu vực đã xây dựng. Khoảng lùi xây dựng tối thiểu là: 3,0m; Đối với những đoạn đường đi qua khu vực đã xây dựng, công trình kiến trúc ổn định. Khoảng lùi xây dựng là: 0,0m.

- Tuyến đường chạy song song với kênh Nam không thay đổi so với quy hoạch cũ, cụ thể: Mặt cắt 2-2: Lộ giới: 50,50m; Mặt đường:  $7,50 \times 2 = 15,0\text{m}$ ; Kênh Nam: 19,50m; Hè đường:  $(5,0\text{m} + 3,0\text{m}) \times 2 = 16,0\text{m}$ .

- Tuyến đường kết nối từ đường tỉnh 514 vào phía khu vực Nam Đồng Năn được thiết kế cụ thể: Mặt cắt 4-4 như sau: Mặt đường:  $5,25\text{m} \times 2 = 10,50\text{m}$ ; Hè đường:  $3,0\text{m} \times 2 = 6,0\text{m}$ ; Khoảng lùi xây dựng tối thiểu mỗi bên: 3,0m.

- Tuyến đường nằm tiếp giáp phía Nam dự án Sao Mai được quản lý với: Mặt cắt 9-9: Lộ giới: 34,00m; Mặt đường:  $11,00 \times 2 = 22,0\text{m}$ ; Hè đường:  $6,0\text{m} \times 2 = 12,0\text{m}$ ; Khoảng lùi xây dựng tối thiểu mỗi bên: 3,0m (tuyến đường này đã hoàn thành).

## 7.2. Quy hoạch cấp nước

Tổng nhu cầu dùng nước của đô thị là:  $Q \approx 6.930,0 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ .

- Nguồn nước cấp cho đô thị là nguồn nước kênh Nam, đầu nối dẫn nước từ nhà máy nước thị trấn Triệu Sơn công suất hiện tại:  $3.600\text{m}^3/\text{ngđ}$ ; công suất quy hoạch đến năm 2020:  $12.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ , đến năm 2030 là  $18.000 \text{ m}^3/\text{ngđ}$ .

- Mạng lưới đường ống cấp nước :

+ Các tuyến ống cấp I, II dùng ống nhựa uPVC, HDPE kết hợp ống thép tráng kẽm, các tuyến ống tiêu thụ dùng ống thép tráng kẽm hoặc ống nhựa HDPE. Trên cơ sở mạng lưới đường ống đã có phát triển mở rộng thêm đáp ứng nhu cầu sử dụng của các đối tượng dùng nước.

+ Độ sâu chôn ống tối thiểu 0,5m, đường ống được chôn trong hành lang kỹ thuật của các tuyến đường trong đô thị.

+ Họng cứu hỏa được bố trí trên đường ống  $\geq \text{Ø}100 \text{ mm}$  và vị trí đặt ở gần các ngã ba, ngã tư thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

## 7.3. Quy hoạch San nền - Thoát nước

a) San nền và cao độ xây dựng.

- Căn cứ theo mực nước tính toán của hệ thống sông nội đồng khu vực trong đô thị như: sông Nhôm, kênh mương hiện có, các công trình hiện trạng và cao độ các tuyến đường quốc lộ và đường tỉnh đi qua khu vực.. ...cao độ san nền và hướng san nền trong khu vực như sau:

+ Chọn cao độ xây dựng khu vực  $\geq +6,0\text{m}$ .

+ Độ dốc san nền cho toàn khu là  $\geq 0,04\%$ .

+ Hướng tiêu thoát chính theo hướng thoát ra sông sông Nhơm và sông Hoàng Giang.

b) Phân chia lưu vực thoát nước mặt:

Cơ bản theo hướng thoát nước của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đã được phê duyệt năm 2018:

Khu vực chia làm 4 lưu vực thoát nước chính như sau:

- Lưu vực 1: Bao gồm toàn bộ diện tích phía Đông của kênh Nam, hướng thoát nước chính từ Tây sang Đông về phía sông Hoàng Giang, diện tích lưu vực khoảng 184,0ha.

- Lưu vực 2: Bao gồm toàn bộ diện tích từ kênh Nam đến QL47C, hướng thoát nước chính về phía kênh tiêu cải dịch (kênh tiêu hiện có được cải dịch vào vị trí lòng đường của tuyến đường động lực) sau đó thoát về phía Bắc qua cầu Dân Lực và về sông Hoàng Giang, Một phần được thoát về kênh tiêu hiện có phía Nam tuyến đường tỉnh 514 sau đó thoát về sông Nhơm, diện tích lưu vực khoảng 586,0ha

- Lưu vực 3: Bao gồm toàn bộ diện tích từ QL47C đến tuyến đường nhựa kết nối từ đường tỉnh 514 (tiếp giáp phía Đông bệnh viện đa khoa Triệu Sơn) đi xã Thọ Tân, hướng thoát nước chính về phía kênh tiêu hiện có kết nối từ hồ Chợ Mốc, hồ Than Bùn sau đó thoát về sông Nhơm, diện tích lưu vực khoảng 647,0ha.

- Lưu vực 4: Bao gồm toàn bộ diện tích từ tuyến đường nhựa kết nối từ đường tỉnh 514 (tiếp giáp phía Đông bệnh viện đa khoa Triệu Sơn) đi xã Thọ Tân đến hết ranh giới xã Minh Sơn, hướng thoát nước chính về phía kênh tiêu hiện có phía Đông núi Rùa sau đó thoát về sông Nhơm, diện tích lưu vực khoảng 300 ha.

c) Thoát nước thải:

Tổng nhu cầu thoát nước thải của đô thị là : QTNT = 6.237,0 m<sup>3</sup>/ngđ

Trong đồ án điều chỉnh, mở rộng lần này xây 02 dựng trạm xử lý nước thải với công suất như sau:

- Trạm xử lý nước thải sinh hoạt cho toàn bộ đô thị được bố trí ở phía Tây Nam, trên đất xã Minh Sơn với công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

- Trạm xử lý nước thải công nghiệp được bố trí ở phía Bắc của cụm công nghiệp, trên đất xã Dân Lực với công suất 1.400 m<sup>3</sup>/ng.đêm.

#### **7.4. Quy hoạch chất thải và VSMT và nghĩa trang**

a) Thu gom chất thải, vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn phát sinh: 0,9kg/người. ngày.đêm.
- Chất thải rắn công nghiệp phát sinh: 0,3 tấn/ha. ngày.đêm.
- Tỷ lệ thu gom: 100% lượng chất thải rắn được thu gom.
- Chất thải rắn sinh hoạt: WSH = 24,3 (Tấn/ngày.đêm).
- Chất thải rắn công nghiệp: WSH = 20,31(Tấn/ngày.đêm).

Chất thải rắn từ các hộ gia đình và các khu công cộng được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc trong các khu vực công cộng. Chất thải rắn được thu gom và vận chuyển đến trạm xử lý rác thải tại xã Hợp Thắng (quy mô công suất: 20 tấn/ng.đ) và khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân (quy mô công suất: 535,6 tấn/ng.đ).

b) Nghĩa trang:

Từng bước đóng cửa, không cho chôn cất mới tại các nghĩa địa nằm phân tán, nhỏ lẻ trong khu vực. Giữ nguyên khu nghĩa trang được xác định trong đồ án quy hoạch điều chỉnh mở, rộng thị trấn đã được phê duyệt năm 2018, ngoài ra quy hoạch mới khu nghĩa trang phục vụ cho thị trấn sau khi mở rộng ở chân núi Rùa thuộc xã Minh Sơn với quy mô khoảng 5,65ha.

#### **7.5. Quy hoạch cấp điện**

Nguồn điện cấp cho khu vực là nguồn điện 35 kV lộ 373 trạm trung gian Giắt: 2x4.000 KVA.

- Kế thừa phát huy các công trình đã đầu tư và đang hoạt động tốt, di dời các trạm điện, tuyến điện từ 0,4 kV – 35 kV trong thị trấn tại các vị trí không thuận lợi cho đầu tư xây dựng, mất mỹ quan đô thị, không an toàn trong cấp điện và hiệu quả trong khai thác sử dụng quỹ đất.

Tổng nhu cầu cấp điện của đô thị là:  $P \approx 19.250$  (KVA), trong đó:

- + Điện cấp cho sinh hoạt-,CC-DV: 10.200 (KVA);
- + Điện cấp cho CN\_TTCN: 9.050 (KVA).

- Lưới điện 22/35 kV: Cấp điện cho các trạm biến áp tiêu thụ dùng cáp bọc tiêu chuẩn, dây dẫn được treo trên các cột ly tâm cao 16m chạy dọc theo



các tuyến giao thông chính của đô thị. Một số đoạn của đường điện 35 kV đã được xây dựng có thể được chỉnh tuyến theo quy hoạch nếu ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư và nâng cao khả năng sử dụng đất.

- Lưới điện 0,4 kV: Vào các khu dân cư cũ cải tạo được bố trí đi nổi, dây dẫn dùng cáp bọc vỏ xoắn tiêu chuẩn trên cột ly tâm cao 12m. Với các khu dân cư, đô thị mới thiết kế ngầm trong hành lang kỹ thuật giao thông.

- Với đường điện chiếu sáng ở các tuyến phố chính, vườn hoa công viên đường điện được bố trí đi ngầm dưới đất trong các mương dẫn kỹ thuật. Các tuyến đường ngang dùng cột điện liền cần chiếu sáng đô thị.

### **8. Các quy định về không gian kiến trúc cảnh quan**

a) Kiến trúc công trình trụ sở cơ quan-công trình công cộng:

- Các công trình hiện trạng, cải tạo: Chỉnh trang, cải tạo, nâng tầng (từ 2 tầng trở lên) để tạo bộ mặt kiến trúc công trình bề thế, hiện đại và tiết kiệm đất, dành đất cho xây dựng các khu chức năng khác theo nhu cầu phát triển của đô thị như: Các trụ sở cơ quan hành chính kinh tế, dịch vụ, vườn hoa, cây xanh, sân TDTT...

- Các công trình xây dựng mới: Tập trung khu vực phía Đông, cụ thể trên các trục chính: ĐT.514, trục động lực mới Bắc Nam (kết nối QL.47 & ĐT.514). Tầng cao tối thiểu 3 tầng, hình thức kiến trúc phong phú và hài hoà với không gian chung, phù hợp với bản sắc văn hoá địa phương. Đồng thời phải phù hợp với yêu cầu hoạt động đa dạng của cộng đồng.

b) Kiến trúc nhà ở:

- Nhà ở dân cư mới dọc 2 bên đường trục trung tâm đô thị Đông - Tây (ĐT.514), trục chính đô thị Bắc Nam (kết nối QL.47 & ĐT.514), có hình thức kiến trúc đẹp, hiện đại, tầng cao tối thiểu 3 tầng, tối đa 5 tầng, đảm bảo tuân thủ quy định về chi giới xây dựng, đường đỏ, thống nhất về chiều cao tầng, vật liệu hoàn thiện, màu sắc và quy định về mỹ quan của kiến trúc đường phố.

- Các khu dân cư làng xóm hiện tại từng bước cải tạo chỉnh trang theo hình thái kiến trúc của đô thị.

\* Các cửa ngõ đô thị:

- Hướng chính, 5 cửa ngõ thị trấn gồm:

+ Cửa ngõ phía Bắc: Ngã tư Dân Lực; cửa ngõ tại nút giao QL47 với trục QH mới Bắc Nam.

+ Cửa ngõ phía Đông: Ngã ba Thiệu vào ĐT.514.

+ Cửa ngõ phía Tây: Phía Tây ĐT.514 hướng từ đô thị Sim.

+ Cửa ngõ Phía Nam: hướng từ Nura đi lên QL.47C.

Các khu vực cửa ngõ ra vào đô thị thiết kế hiện đại, biểu tượng đặc trưng gây ấn tượng, chào đón thân thiện;

Tại vị trí các đường trục chính mở xuyên qua từ các đường đối ngoại là các không gian trọng điểm, lấy các tuyến đường chính và các khu làm trung tâm bố cục cho các thành phần chức năng xung quanh.

\* Các điểm nhấn không gian:

- Khu vực giao nhau QL47C và ĐT 514 là trung tâm giao thương hàng hóa lâu đời với điểm nhấn là các công trình dịch vụ - thương mại quanh nút giao.

- Khu trung tâm đô thị bao gồm các công trình công cộng, Thương mại dịch vụ, Chợ mới, trung tâm văn hóa, TDTT , quảng trường nằm về phía Đông, trong quy hoạch đô thị mới.

- Khu vực nút giao QL.47C, ĐT.514 với trục động lực Bắc - Nam (kết nối QL.47 & ĐT.514)

Các khu chức năng được xây dựng thành cụm công trình, tạo bộ mặt khang trang cho đô thị, tránh xây dựng đơn lẻ, hình thức kiến trúc phong phú, tăng cường trồng cây xanh trong các cụm công trình để hài hòa với cảnh quan và môi trường thiên nhiên. Các khu chức năng có công trình có khối tích lớn như trung tâm hành chính, trung tâm Văn hóa - TDTT, các trung tâm thương mại vv... phải có sự chuyển tiếp với các khu xây dựng thấp tầng mật độ thấp.

## **9. Quy định bảo vệ môi trường**

Các khu xử lý nước thải được phân ra theo từng lưu vực thoát nước để đảm bảo nước tự chảy, nước sau khi được xử lý sẽ được thoát ra sông Nhom.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Được phân loại tại nguồn, thu gom và đưa về khu xử lý chất thải rắn tập trung theo Quy hoạch CTR toàn tỉnh.

- Nghiêm cấm việc chăn thả gia súc, gia cầm trên đường phố coi trọng việc trồng cây xanh, tạo cho đô thị môi trường sinh thái xanh - sạch - đẹp. Tổ chức thu gom xử lý rác thải 100%.

- Trồng cây xanh 2 bên trục đường giao thông, chọn loại cây có nhiều bóng mát, ít sâu bệnh và chịu được gió bão. Xây dựng và trồng cây cho khu công viên chính của đô thị, đặc biệt chú trọng trồng cây xanh vườn hoa, gắn cây xanh với mặt nước, tạo thành điểm nhấn của đô thị, đáp ứng yêu cầu vui chơi nghỉ ngơi của đô thị. Tổ chức trồng cây xanh, sân vườn, khuôn viên, bồn hoa, trong các cơ quan nhà nước, công trình công cộng...vv.

#### **10. Các hạng mục ưu tiên đầu tư**

- Đầu tư tuyến đường động lực kết nối Bắc Nam (kết nối QL47C – QL47 – ĐT 514 – QL47C) có chiều dài khoảng 7,5km (trong đó: 2,5km đoạn qua đô thị mặt cắt đường là: 35,0m; 5,5km đoạn ngoài đô thị có mặt cắt là: 31,5m)

- Lập quy hoạch chi tiết Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp liên xã vừa và nhỏ Dân Lý – Dân Lực – Dân Quyền với quy mô khoảng 75 ha. Làm cơ sở đầu tư hạ tầng thu hút đầu tư, thu hút lao động, tạo công ăn việc làm cho dân cư trong khu vực.

- Đầu tư xây dựng mới Trung tâm Thương mại huyện (Chợ Giắt) sang khu đô thị mới, theo quy hoạch, tạo động lực phát triển cho khu vực phía Tây.

- Đầu tư xây dựng khu trung tâm văn hóa – Thể dục thể thao mới phía Đông gắn với trục động lực kết nối Bắc – Nam.

- Thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong các khu quy hoạch chi tiết các khu dân cư mới đã phê duyệt.

- Đầu tư HTKT các tuyến đường liên khu vực, đường chính khu vực, trạm nước thải, trạm biến áp mới.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch, thoát nước thải và thoát nước mặt đô thị với hướng đầu tư đồng bộ - hiện đại.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện, chiếu sáng các trục chính.

- Cải tạo chỉnh trang các công trình công cộng, các khu dân cư hiện có, đáp ứng tiêu chí đô thị loại V.

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

##### **1. UBND huyện Triệu Sơn có trách nhiệm:**

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan tổ chức công bố nội dung đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030; bàn giao hồ sơ, tài liệu

cho địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, UBND huyện Triệu Sơn theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 Quyết định;
  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
  - Lưu: VT, CN.
- H4.(2019)QDPPĐ.DC QHC TT Triệu Sơn.doc

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đình Xứng**